TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST Ngày: 16-7-2019 V/v tranh chấp ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Ngọc Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Phượng;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng– Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 về việc "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1969; địa chỉ: Khu phố M, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Có đơn xin vắng mặt

- *Bị đơn*: Ông Đỗ Minh T, sinh năm 1962; địa chỉ: Khu phố M, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/01/2019, nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đỗ Minh T kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường H, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, quá trình chung sống giữa bà và ông T phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau. Hiện nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Minh T.

- Về con chung: Bà Lê Thị Mỹ H và ông Đỗ Minh T có 01 con chung tên Đỗ Ngọc Trà M, sinh ngày 16/3/2001. Hiện con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Đỗ Minh T: Đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ, nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Mỹ H.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho ông Đỗ Minh T. Tuy nhiên, ông T đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ H có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Đỗ Minh T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu như sau:

+ Về tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ H về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ H có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn là ông Đỗ Minh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H, ông T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Mỹ H và ông Đỗ Minh T: Bà H, ông T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/2002 tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Theo bà H trình bày: Vợ chồng bà đã nhiều lần phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người không hợp nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã từ năm 2018, đến nay đã quá trầm trọng. Vì vậy, bà H có nguyện vọng được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy bản thân ông đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình và không có thiện chí trong việc muốn đoàn tụ gia đình với bà H.

[4] Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H, ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được,

Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà H là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Đỗ Ngọc Trà M, sinh ngày 16/3/2001. Hiện con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ H đối với ông Đỗ Minh T.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định trên, nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm, bà Lê Thị Mỹ H phải nộp theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; các Điều 227, 228, 266, 267 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ H đối với bị đơn ông Đỗ Minh T về việc "tranh chấp ly hôn" như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ H được ly hôn với ông Đỗ Minh T.

- Về con chung: Chị Đỗ Ngọc Trà M, sinh ngày 16/3/2001, đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Mỹ H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0033743 ngày 05/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND phường H. Tp.TDM.T. Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Văn Thị Ngọc Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND phường Hiệp An.Tp.TDM.
T. Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Văn Thị Ngọc Hương